

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HS-PT

Ngày: 26 - 4 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- T3 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Oanh

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Ông Phạm Minh Tùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***  
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/3, 05/4, 19 và 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 374/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Đỗ Thị K. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2020/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 44/2020/TB-TA ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

***- Bị cáo có kháng cáo:*** Đỗ Thị K, sinh năm 1966, tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: U; Nơi cư trú: Số nhà x, ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị H1 (chết); Có chồng và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại: ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị K:*** Luật sư Nguyễn Hồng T - Văn phòng luật sư Hồng T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

*Bị hại:* Nguyễn Khánh N - sinh ngày 05/7/2015 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp E, xã L, huyện V, Đồng Tháp.

*- Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Khánh N:*

1. Bà Phạm Thị L1 - sinh năm 1959 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp E, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Châu Ngọc L2 - sinh năm 1963 (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Mạnh T - sinh năm 1963 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp E, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Khánh N:* Ông Hà Văn N1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 1. Địa chỉ: Khóm X5, Phường Z, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

*Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị Ngọc M - sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Cháu Lê Minh Phương T2 - sinh ngày 19/3/2008 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Lê Minh Phương T2: Đặng Thị Ngọc Đ (vắng mặt). Cùng nơi cư trú: Khóm x2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1967 (có mặt).

4. Anh Nguyễn Tấn T3 - sinh năm 1990 (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Minh L3 - sinh năm 1992 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

6. Bà Nguyễn Thị T5 - sinh năm 1969 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Bị hại, Viện Kiểm sát không kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Thị L1 và con gái tên Lê Thị Kiều M2 có nợ tiền hụi của Đỗ Thị K, K nhiều lần đến nhà bà L1 yêu cầu trả nợ nhưng bà L1 không trả, còn M2 và chồng là Nguyễn Minh T4 không có mặt tại địa phương. K nghĩ ra cách nói dối bà L1 chùa ở Lấp Vò có phát quà từ thiện cho trẻ em, K rủ bà L1 dẫn theo cháu

Nguyễn Khánh N, sinh ngày 05/7/2015 (con của chị M2, anh T4 đang gửi cho bà L1 nuôi dưỡng) cùng đi để K tìm cách bắt cóc cháu N, buộc bà L1, chị M2 trả nợ vay, hui cho K. K và bà L1 hẹn gặp nhau lúc 02 giờ sáng ngày 10/11/2019 trước cửa nhà của Nguyễn Tấn T3 (con ruột K) ngụ ấp B, xã L, huyện V để cùng xuất phát. Sau đó, K đến thị trấn V thuê 01 xe honda ôm trên Quốc lộ 80 của một người đàn ông (không biết rõ họ tên và địa chỉ), K hẹn với người chạy xe honda ôm gặp nhau lúc 02 giờ sáng ngày 10/11/2019 tại Cổng số 1 trước nhà của T3 để chở K đi công việc. K còn rủ thêm chị Lê Thị Ngọc M (con dâu của K) tìm và chở thêm đứa bé nào có hoàn cảnh khó khăn đi cùng để nhận quà từ thiện cho trẻ, nhằm tạo lòng tin cho bà L1 nhưng K không nói cho chị M biết là K sẽ bắt cóc bé N.

Đến 02 giờ sáng ngày 10/11/2019, K, L1, N, người chạy xe honda ôm, chị M dẫn theo cháu Lê Minh Phương T2 đến và cùng gặp nhau trước cửa nhà của anh T3 rồi cùng nhau xuất phát. Khi đi K kêu bà L1 đưa cháu N cho K chở đi trước dẫn đường, còn bà L1 đi chung xe với chị M và cháu T2. Trên đường đi, K kêu tài xế xe honda ôm chạy nhanh đến cầu Vàm Cống, sau đó K đón xe đi Châu Đốc cùng cháu N. Chị M chở bà L1 đến chợ Lấp Vò thì không thấy K và cháu N nên M chở bé T2 về, còn bà L1 ở lại đợi K và cháu N đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, không thấy K quay lại, bà L1 đón xe honda ôm về nhà của K thì gặp anh Nguyễn Minh L3 (con ruột K), L3 cho hay K có viết giấy để lại trên đầu tủ kệ tivi với nội dung K sẽ bắt cháu N, kêu bà L1, chị My trả tiền mới dẫn cháu N về và đưa giấy cho bà L1 xem, sau đó bà L1 đem giấy này đến trình báo Công an.

Tại Châu Đốc, K dắt cháu N đi ăn, ở từ thiện tại một số ngôi chùa nhưng không nhớ tên chùa, K có mua quần áo, sữa cho cháu N mặc, uống. Đến ngày 15/11/2019, do hết tiền chi tiêu K dẫn cháu N về và đến Công an huyện V đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, K đã thừa nhận toàn bộ hành vi bắt cháu N như nội dung trên.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng, tài sản do Đỗ Thị K giao nộp gồm: 01 bộ đồ thun trẻ em (kiểu nam), màu trắng có sọc ngang màu đỏ, vàng, đen, trắng; 01 bộ đồ nữ màu đen có bông màu đỏ, vàng, tím; 01 bịch sữa giấy hiệu Vinamilk màu trắng, xanh, sữa dinh dưỡng có đường. Đây là vật dụng mà K và cháu N sử dụng trong quá trình bắt cháu N.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể cháu Nguyễn Khánh N lập lúc 10 giờ ngày 15/11/2019 tại Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Đồng Tháp thể hiện: Không phát hiện dấu vết thương tích trên thân thể của cháu Nguyễn Khánh N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2020/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 44/2020/TB-TA ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị K phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/11/2020, bị cáo Đỗ Thị K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 14/12/2020 bị cáo kháng cáo bổ sung kêu oan, cho rằng xét xử bị cáo tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là không đúng về tội danh.

Ngày 22/12/2020 bị cáo Đỗ Thị K nộp số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 017388 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V khắc phục hậu quả cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị K xin rút kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan và khai nhận hành vi như sau: Bà L1, chị M2, anh T4, chị T6 có tham gia chơi hụi, vay tiền và nhờ bị cáo K chơi hụi dùm, bà L1 còn tham gia chơi hùn vốn với ông S (chồng bị cáo) còn nợ tổng số tiền 239.000.000 đồng nhưng không trả nên bị cáo nghĩ ra cách bắt cháu N và viết các tờ giấy ghi rõ mục đích bắt cháu N để ép người thân của cháu N trả đủ số tiền 239.000.000 đồng (trong đó bà L1 (bà ngoại) nợ 23.000.000 đồng, chị M2, anh T4 (cha mẹ) nợ số tiền 152.000.000 đồng, chị T6 (đì) nợ 36.000.000 đồng). Ngày 09/11/2019 bị cáo bịa ra chuyện chùa ở Lấp Vò phát quà từ thiện cho trẻ em nghèo rủ bà L1 dẫn cháu N cùng đi, được bà L1 đồng ý, bị cáo đã thuê xe ôm, chuẩn bị 01 bộ quần áo trẻ em, 01 chai thuốc trừ sâu mang theo trường hợp không trả nợ hoặc bị Công an truy nã sẽ tự tử cùng cháu N và để tạo lòng tin cho bà L1, bị cáo kêu chị M tìm thêm một đứa trẻ đi cùng. Đến 02 giờ ngày 10/11/2019 như đã hẹn mọi người cùng đến nhà của Nguyễn Tấn T3, bị cáo đi

cùng xe với người chạy xe ôm, còn bà L1, cháu T2, cháu N đi xe do chị M điều khiển, lấy lý do xe đông người nên bị cáo kêu bà L1 đưa cháu N đi cùng với bị cáo và bị cáo bắt được cháu N. Ngày 15/11/2019 bị cáo dẫn cháu N về đầu thú. Bị cáo thừa nhận chữ viết trên các tờ giấy do bà L1 và anh L3 giao nộp cho cơ quan điều tra là chữ viết của bị cáo. Bị cáo không phạm tội Bất cóc nhằm chiếm đoạt tài sản mà phạm tội bắt giữ người trái pháp luật. Bị cáo khai số tiền 91.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong quá trình điều tra để giảm nhẹ tội cho bị cáo, không phải ý chí của bị cáo. Đồng thời, bị cáo có giao nộp cho Cơ quan điều tra một chai thuốc trừ sâu nhưng không được ghi nhận trong hồ sơ vụ án. Số tiền hùn vốn thực chất là tiền hui do ông S chồng bị cáo làm chủ và chịu trách nhiệm trước các hui viên, tổ hùn vốn.

Bà Phạm Thị L1 khai: Bà L1 không tự nguyện giao cháu N cho bị cáo, không thách thức bị cáo bắt cháu N. Bà L1 đại diện theo pháp luật cho cháu N không được sự ủy quyền của chị M2, anh T4. Sau khi cháu N được trao trả về có biểu hiện hoảng sợ, la lớn tiếng trong lớp học nên nhà trường trả về, cháu N nghỉ học. Cách đây một tháng bà đã trả cháu N cho chị M2, anh T4 nuôi dưỡng. Bà L1 có ký vào đơn từ chối giám định đối với cháu N nhưng không biết nội dung, không được giải thích mục đích của việc giám định. Bà thừa nhận có nợ của bị cáo số tiền 23.000.000 đồng, còn chị M2, chị T6 là con gái có bà, anh T4 là chồng chị M2. Chị M2, anh T4 và chị T6 có nợ tiền của bị cáo nhưng không biết rõ số tiền là bao nhiêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Bị cáo kháng cáo kêu oan và cho rằng phạm một tội khác. Cha mẹ của bị hại Nguyễn Khánh N vẫn còn sống, cấp sơ thẩm xác định bà L1, bà L2, ông T là người đại diện theo pháp luật không có sự ủy quyền là thiếu tư cách đương sự, sắp xếp không đúng quy định pháp luật, mặc dù có lấy lời khai của chị M2, anh T4 một lần. Bị cáo thừa nhận có viết giấy để lại xác định rõ số tiền 239.000.000 đồng yêu cầu người thân của cháu N phải giao cho bị cáo. Do đó, số tiền là tình tiết định khung và bà L1 không có tư cách làm đơn từ chối giám định cho cháu N, việc bà L1 ký đơn không đảm bảo quyền lợi của cháu N. Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số

44/2020/HS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm và đề nghị: Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc xác định tư cách đại diện của cháu N, bị cáo phạm tội do mối quan hệ nợ giữa bị cáo với cha mẹ cháu N, bà L1, chị T6, chưa thực hiện việc giám định cho cháu N. Thống nhất quan điểm của Viện Kiểm sát, đề nghị hủy toàn bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và L1 ích hợp pháp cho bị hại phát biểu và đề nghị: Đồng ý quan điểm của Viện Kiểm sát, bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Thống nhất hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bị cáo K, Người bào chữa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, bà L1, ông T không tranh luận với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn và đúng thủ tục quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đối với bị hại, bà L2 là người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã rõ ràng và sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vắng mặt những người này.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Bị cáo K thừa nhận bắt giữ cháu N từ ngày 10/11/2019 đến ngày 15/11/2019 không có sự đồng ý của bà L1, mục đích ép bà L1, chị M2, anh T4, chị T6 là bà ngoại, cha mẹ và dì ruột của cháu N trả tiền hối, hùn vốn, vay tổng số tiền 239.000.000 đồng và các tờ giấy (BL59-64) do bị cáo viết thể hiện rõ bị cáo mong muốn gia đình bà L1 trả số tiền 239.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo khai chỉ mong muốn nhận số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo chưa phù hợp với các chứng cứ, tình tiết khách quan của vụ án và ý chí của bị cáo. Ông S là tổ trưởng tổ hùn vốn hay chủ hội, lý

do nào bị cáo đòi nợ bà L1 thay cho ông S. Việc bị cáo bắt cháu N để buộc bà L1 cùng các con trả tiền có sự đồng ý của ông S hay không. Bị cáo muốn lấy lại tiền nợ hay muốn chiếm đoạt số tiền 239.000.000 đồng. Bà L1, chị M2, anh T4 và chị T6 có nợ bị cáo hay không, nợ bao nhiêu tiền, nợ tiền gì chưa được cơ quan điều tra đối chất làm rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình Quyết định công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự số 46/2021/QĐST-DS ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện V thể hiện bà L1 có nợ số tiền vốn và lãi tổng cộng 30.360.000 đồng sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án hình sự.

[2.2] Bị cáo bắt giữ cháu N gây áp lực cho bà L1; chị M2, anh T4 và chị T6 trả nợ. Như vậy, phải xác định bị hại trong vụ án là cháu N, bà L1, chị M2, anh T4 và chị T6. Cháu N là người chưa thành niên, con của chị M2, anh T4 nên cha mẹ là người đại diện hợp pháp cho cháu N. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ vụ án chưa xác định được địa chỉ của chị M2, anh T4 để xác định bà L1, bà L2, ông T là người đại diện hợp pháp của cháu N khi chưa được sự ủy quyền của chị M2, anh T4 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Mặt khác, bà L1 xác định cháu N bị hoảng loạn về tinh thần, sợ hãi, la hét nên không thể tiếp tục đi học được, cho đến nay cháu N vẫn còn bị ảnh hưởng. Bà không được giải thích, không biết việc ký tên vào đơn từ chối giám định tổn thất tinh thần cho cháu N ngày 18/11/2019 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu N. Xét thấy, việc bà L1 không yêu cầu giám định trong trường hợp này là không phù hợp mà cha, mẹ của bị hại mới có quyền này. Cấp sơ thẩm xác định sau tư cách đương sự và căn cứ vào đơn của bà L1 để không thực hiện việc giám định cho cháu N là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như quyền lợi của người bị hại. Từ những vi phạm trên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả sau khi xét xử sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[4] Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Người bào chữa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo K không chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2020/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 44/2020/TB-TA ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra lại theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND-VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Cơ quan CSĐT huyện V;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV - THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Huỳnh Kim Oanh**